

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Dương Minh;

Bà Vi Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh và ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/HSST-QĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 05/2025/QĐ-TA ngày 15 tháng 01 năm 2025, đối với các bị cáo:

- Các bị cáo:

1. Lộc Nguyễn H, sinh ngày 04-4-1979 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà F, Phai L, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không, nguyên Phó Trưởng phòng Công thương của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Văn C và bà Nguyễn Thị C1; có vợ Phạm Thị Thu H1 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con bé nhất sinh năm 2021; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06-12-2023 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 10-8-1975 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số nhà B, P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ, nguyên Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Trần Thị C2; có vợ Hoàng Thị B1 và 02

con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06-12-2023 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Lý Vinh Q, sinh ngày 16-11-1958 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số nhà A, phố H, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hữu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn Q1 (đã chết) và bà Lâm Thị H2 (đã chết); có vợ Dương Thị S và 01 con, sinh năm 1994; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-9-2024 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Vy Thúy N2, sinh ngày 26-01-1968 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số A, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu, nguyên Trưởng phòng Công thương của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Hữu H3 (đã chết) và bà Chu Thị L; có chồng Lương Văn Đ và 02 con, con lớn sinh năm 1993 và con nhỏ 2000; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-3-2024 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Phúc Đ1, sinh ngày 21-4-1967 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số A, ngõ F, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức, nguyên Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phúc C3 (đã chết) và bà Lý Quỳnh A, tên gọi khác Lý Quế A1 (đã chết); có vợ Lê Thúy N và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-8-2024 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

6. Hoàng Quang C4, sinh ngày 06-8-1957 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hữu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quang L1 (đã chết) và bà Dương Thị V (đã chết); có vợ Hoàng Thị T1 và 02 con, con lớn sinh năm 1984 và con nhỏ sinh năm 1987; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự,

chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-3-2024 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

7. Đào Văn Á, sinh ngày 27-01-1984 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký thường trú: Số nhà E, đường B, khối D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và chỗ ở hiện tại: Số nhà G, đường B, khối D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ, nguyên Chuyên viên phòng Quản lý xây dựng công trình của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc D và bà Đào Thị T2; có vợ Lê Trúc H4 và 01 con, sinh năm 2015; Đảng, đoàn thể: Nguyên Đảng viên, đã bị Khai trừ; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-3-2024 đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lộc Nguyên H:

1. Ông Phạm Xuân N1, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số G đường C, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Lương Thị T3, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số G đường C, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Ông Nguyễn Tài H5, Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số nhà A, ngõ I đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phúc Đ1:

1. Ông Trần Kim T4, Luật sư của Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số E, ngõ B G, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Đặng Ngọc D1, Luật sư của Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số E, ngõ B G, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vy Thúy N2: Bà Nguyễn Thị Trung V1, Luật sư của Văn phòng L6 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Ngô Nhật T5, sinh năm 1971, địa chỉ: Số nhà D, ngõ E đường N, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh V2, sinh năm 1977; nơi thường trú: P, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Lê Anh T6, sinh năm 1975, địa chỉ: Phố I, phường Đ, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân L2, sinh năm 1957; nơi thường trú: Phố A Đ, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

3. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1980, địa chỉ: Số nhà B, ngõ D, đường L, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*

1. Bà Nguyễn Anh Y, sinh năm 1971, địa chỉ: Số nhà A, ngõ I, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Lê Tuấn H6, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà C đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Bàn Đức C5, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà B, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Đồng Thị T7, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà A đường B, thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Liễu Thị Y1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà A đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Hoàng Văn T8, sinh năm 1957; nơi đăng ký thường trú: K, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và nơi ở hiện tại: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Đoàn Thu H7, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A phố Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đ2 (*Công ty Đ2*) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn (*Sở KH&ĐT*) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 24/7/2014, Mã số doanh nghiệp: 4900775198, ngành, nghề kinh doanh gồm nhiều ngành, nghề, trong đó có ngành sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (mã ngành 1621), trụ sở chính tại Lô F, Phú Lộc I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do Ngô Nhật T5 làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Từ ngày 18/01/2016 do Lê Anh T6 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật; từ tháng 8/2017 đến nay do Nguyễn Thành P làm Giám đốc.

Ngày 24/7/2014, Công ty Đ2 có Văn bản số 247/2014/SBV/CV gửi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn đề nghị cấp Giấy Chứng nhận đầu tư dự án Nhà máy C6 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 09/10/2014, UBND tỉnh L cấp Giấy Chứng nhận đầu tư số 14121000328, cho Công ty Đ2 về Dự án đầu tư Nhà máy C6. Dự án được chia thành 02 giai đoạn gồm Giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy sản xuất ván dán, Giai đoạn 2: Xây dựng nhà máy S1.

Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210), ngày 06/4/2015 Công ty Đ2 có Văn bản số 016/2015/SBV-ĐN gửi UBND tỉnh L và Sở KH&ĐT đề nghị

hỗ trợ đầu tư đối với Dự án xây dựng Nhà máy C6 với tổng số tiền là **86.543.750.000 đồng**.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ K1 và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210 (Thông tư số 05) thì việc thẩm tra hỗ trợ đầu tư cho Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2 do Sở KH&ĐT thực hiện. Sở KH&ĐT đã giao nhiệm vụ thẩm tra cho phòng Công thương (trực tiếp là **Lộc Nguyên H** - Phó Trưởng phòng) thực hiện, **Lê Văn T** - Phó Giám đốc Sở trực tiếp chỉ đạo.

Ngày 07/4/2015, **Lê Văn T** ký ban hành Báo cáo số 133/BC-SKHĐT gửi UBND tỉnh về kết quả thẩm tra hỗ trợ dự án, nội dung thể hiện Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2 đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 210 với tổng số tiền được hỗ trợ là 86.543.750.000 đồng. Cùng ngày, Sở KH&ĐT đã tham mưu cho bị cáo **Lý Vinh Q** - Phó Chủ tịch UBND tỉnh L ký ban hành Báo cáo số 93/BC-UBND gửi Bộ K2 và Bộ T13 đề nghị thẩm định nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho Dự án Nhà máy C6. Ngày 09/6/2015, Bộ K2 có Văn bản số 3664/BKHĐT-KTNN đồng ý chủ trương hỗ trợ đầu tư theo Báo cáo của UBND tỉnh L và đề nghị của Công ty Đ2.

Ngày 06/7/2015, **Lê Văn T** ký ban hành Báo cáo số 300/BC-SKHĐT gửi UBND tỉnh L về kết quả thẩm tra Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 210 và đề xuất UBND tỉnh ra quyết định hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2, đồng thời xây dựng dự thảo Quyết định số 1165 về việc hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2.

Ngày 09/7/2015, bị cáo **Lý Vinh Q**, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định số 1165/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn Dự án xây dựng Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn của Công ty Đ2 (Quyết định số 1165) với tổng số tiền là 86.543.000.000 đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ cơ sở hạ tầng là 20.000.000.000 đồng, kinh phí hỗ trợ vận chuyển sản phẩm là 66.543.000.000 đồng.

Theo quy định tại Thông tư số 05, để giải ngân các khoản hỗ trợ đầu tư, Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn phải được nghiệm thu về các hạng mục đầu tư xây dựng, thời điểm hoàn thành nhà máy và công suất nhà máy. Việc nghiệm thu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L (Sở NN&PTNT) chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H và Công ty Đ2 tiến hành.

Ngày 19/10/2015, Công ty Đ2 có Văn bản số 191/2015-CV gửi Sở NN&PTNT đề nghị được nghiệm thu khối lượng hạng mục hoàn thành Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn để thanh toán hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện nước, nhà xưởng và xử lý chất thải.

Ngày 04/11/2015, Sở NN&PTNT chủ trì phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H và Công ty Đ2 tiến hành nghiệm thu Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn. Tuy nhiên do Công ty Đ2 chưa hoàn thành các

hạng mục xây dựng nên Đoàn nghiệm thu không tiến hành nghiệm thu và không lập biên bản nghiệm thu.

Ngày 25/11/2015, Công ty Đ2 tiếp tục có Văn bản số 2511/2015-CV về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng dự án Nhà máy C6 gửi Sở NN&PTNT tỉnh Lạng Sơn và Sở T đề nghị được nghiệm thu khối lượng hạng mục hoàn thành và tạm ứng tiền hỗ trợ xây dựng Nhà máy theo Nghị định số 210.

Ngày 02/12/2015, **Nguyễn Phúc Đ1** - Phó Giám đốc Sở NN&PTNT ký Giấy mời số 118/GM-SNN về việc tổ chức thực hiện kiểm tra (nghiệm thu) các hạng mục hoàn thành Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao C6 gửi Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H, Công ty Đ2.

Ngày 03/12/2015, Đoàn nghiệm thu T9 đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục hoàn thành Nhà máy sản xuất ván dán công suất 60.000m³/năm và sơ chế nguyên liệu MDF. Thành phần Đoàn nghiệm thu gồm: (1) **Nguyễn Phúc Đ1** - Phó Giám đốc Sở NN&PTNT, (2) ông Phạm Minh H8 - Nguyên Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình Sở NN&PTNT (**đã chết năm 2016**), (3) bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính, (4) ông Lê Tuấn H6 - Chuyên viên phòng Công thương, Sở KH&ĐT, (5) ông Bàng Đức C5 - Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện H, (6) ông Ngô Nhật T5 - Giám đốc Công ty Đ2. Đoàn nghiệm thu đã tiến hành lập Biên bản nghiệm thu Dự án đầu tư Nhà máy C6 **giai đoạn 1**, căn cứ nghiệm thu là Nghị định số 210 và Thông tư số 05, mục đích để xác định khối lượng hoàn thành để thanh toán chi phí hạng mục xây dựng được hỗ trợ theo Nghị định số 210, đồng thời xác định Dự án đã thực hiện đúng các điều khoản quy định tại Nghị định 210 và kết luận đồng ý nghiệm thu.

Căn cứ kết quả nghiệm thu, ngày 04/12/2015 Công ty Đ2 có Văn bản số 412/2015/SBV-CV gửi Sở T đề nghị tạm ứng kinh phí xây dựng Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn với số tiền là 14.000.000.000 đồng.

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 do bị cáo Lý Vinh Q – Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2015 (đợt 2) cho dự án thuộc Chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ngày 14/12/2015 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 09/TC-TCDN duyệt chi số tiền 14.000.000.000 đồng, trong đó bà Đồng Thị T7 - Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp duyệt hồ sơ, ông Hoàng Văn T8 - Phó Giám đốc Sở T ký Thông chi duyệt y dự toán.

Ngày 11/12/2015, Công ty Đ2 có Văn bản số 1112/2015-CV gửi Sở NN&PTNT đề nghị được nghiệm thu dự án hoàn thành Nhà máy C6.

Ngày 12/12/2015, **Hoàng Quang C4** - Phó Giám đốc Sở NN&PTNT ký Giấy mời số 122/GM-SNN về việc tổ chức nghiệm thu dự án hoàn thành công

tác xây dựng Nhà máy C6 gửi Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H, Công ty Đ2.

Ngày 18/12/2015, Đoàn nghiệm thu đã tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao C6 giai đoạn 1 (Công trình Nhà máy sản xuất ván dán công suất 60.000m³/năm). Thành phần nghiệm thu gồm: (1) **Hoàng Quang C4** - Phó Giám đốc Sở NN&PTNT, (2) **Đào Văn Á** - Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Sở NN&PTNT, (3) bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở T, (4) **Vy Thúy N2** - Trưởng phòng Công thương, Sở KH&ĐT, (5) ông Bằng Đức C5 - Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng, huyện H, (6) ông Ngô Nhật T5- Giám đốc Công ty Đ2. Đoàn nghiệm thu đã tiến hành lập Biên bản nghiệm thu **dự án hoàn thành giai đoạn 1**, gồm đối tượng nghiệm thu: Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn, căn cứ nghiệm thu: Nghị định số 210 và Thông tư số 05, nội dung nghiệm thu: Đã hoàn thiện công tác xây dựng Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn và các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, tổng công suất 03 dây chuyền đạt yêu cầu so với thiết kế của nhà máy (60.000m³/năm); kết quả nghiệm thu xác định: Dự án đã thực hiện đúng các điều khoản quy định tại Nghị định số 210 và kết luận đồng ý nghiệm thu.

Căn cứ kết quả 02 cuộc nghiệm thu, ngày 21/12/2015 Công ty Đ2 có Văn bản số 2112/2015/SBV-CV gửi Sở T đề nghị thanh toán kinh phí xây dựng Nhà máy C6 với số tiền là 6.000.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh L do bị cáo Lý Vinh Q - Phó Chủ tịch UBND ký ban hành về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2015 (đợt 2), cho dự án thuộc Chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ngày 28/12/2015 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 11/TC-TCĐN duyệt chi số tiền 6.000.000.000 đồng, trong đó bà Đồng Thị T7 - Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp duyệt hồ sơ, ông Hoàng Văn T8 - Phó Giám đốc ký Thông chi duyệt y dự toán.

Ngày 24/12/2015, Công ty Đ2 có Văn bản số 2412/2015/SBV-CV gửi Sở T đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển Nhà máy C6 với số tiền là 10.000.000.000 đồng. Ngày 26/12/2015, Văn phòng UBND tỉnh L có Văn bản số 295/VP-KTN thông báo ý kiến chỉ đạo của bị cáo Lý Vinh Q - Phó Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Sở T phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành các thủ tục giải ngân theo đề nghị của Công ty Đ2.

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh L do bị cáo Lý Vinh Q - Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành về việc điều chỉnh nội dung nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn vốn hỗ trợ Nhà máy C6, ngày 31/12/2015 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 12/TC-TCĐN duyệt chi số tiền 10.000.000.000 đồng, trong đó bà Liễu Thị Y1 - Phó Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng

phòng Tài chính doanh nghiệp duyệt hồ sơ, ông Hoàng Văn T8 - Phó Giám đốc ký Thông chi duyệt y dự toán.

Ngày 10/3/2016, Công ty Đ2 có Văn bản số 103/2016/SBV-CV gửi Sở T đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển Nhà máy C6 với số tiền là 11.498.750.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 do ông Nguyễn Công T10 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2016, ngày 08/4/2016 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 03/TC-TCNDN duyệt chi số tiền 11.000.000.000 đồng, trong đó bà Đồng Thị T7 - Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng duyệt hồ sơ, ông Hoàng Văn T8 - Phó Giám đốc ký Thông chi duyệt y dự toán.

Ngày 21/9/2016, Công ty Đ2 có Văn bản số 68/2016-CV đề nghị nghiệm thu hoàn thành xây dựng và công suất nhà máy chế biến gỗ công nghệ cao gửi Sở NN&PTNT, Sở T, Sở KH&ĐT.

Ngày 29/9/2016, Hoàng Quang C4 - Phó Giám đốc Sở NN&PTNT ký Giấy mời số 122/GM-SNN, về việc nghiệm thu hoàn thành xây dựng Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn theo quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP và thông tư 05/2014/TT-BKHĐT thành phần mời họp gồm đại diện Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H và Công ty Đ2.

Ngày 03/10/2016, Đoàn nghiệm T9 với thành phần nghiệm thu gồm: Hoàng Quang C4, Đào Văn Á, Nguyễn Anh Y, Lộc Nguyên H, Hoàng Văn H9 - Phó Chủ tịch UBND huyện H, Bàng Đức C5 - Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện H, Lê Anh T6 - Giám đốc và Phạm Bằng G - Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Đ2 đã tiến hành nghiệm thu công suất hoàn thành Dự án đầu tư Nhà máy C6 (Công trình Nhà máy sản xuất ván dán công suất 130.000m³/năm và sơ chế nguyên liệu MDF và lập biên bản nghiệm thu với nội dung chính: Đối tượng nghiệm thu là dự án hoàn thành công suất sản xuất ván, căn cứ nghiệm thu: Nghị định số 210 và Thông tư số 05, nội dung nghiệm thu: Đã hoàn thiện công tác xây dựng Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn và các máy móc thiết bị sản xuất với công suất 130.000m³/năm; kết quả nghiệm thu xác định: Dự án đã thực hiện đúng các điều khoản quy định tại Nghị định 210 và kết luận đồng ý nghiệm thu.

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 05, công suất thiết bị nhà máy C7 là công suất sản phẩm thực tế mà nhà máy đó tạo ra trong một thời gian nhất định (tối thiểu 04 giờ làm việc) được nghiệm thu nhân với thời gian làm việc của nhà máy đó trong năm, thời gian làm việc tối đa của nhà máy được tính hỗ trợ là 300 ngày/năm, nhưng Hoàng Quang C4 và Đào Văn Á chủ trì nghiệm thu chỉ tiến hành nghiệm thu trong thời gian 02 giờ và 2,5 giờ làm việc và tính thời gian làm việc của 01 năm là 330 ngày.

Ngày 07/10/2016, Công ty Đ2 có Văn bản số 15/2016/SBV-CV gửi Sở T đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển với số tiền 19.236.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh L do

ông Nguyễn Công T10 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2016, ngày 17/10/2016 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 07/TC-TCDN duyệt chi số tiền 19.623.000.000 đồng, trong đó bà Đồng Thị T7 - Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng duyệt hồ sơ, ông Hoàng Văn T8 - Phó Giám đốc ký Thông chi duyệt y dự toán.

Ngày 27/12/2016, Công ty Đ2 có Văn bản số 2415/2016/SBV-CV gửi Sở T tỉnh đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển Nhà máy C6 với số tiền 3.000.000.000 đồng theo Thông báo số 513/TB-UBND ngày 30/12/2016 do bị cáo Lý Vinh Q - Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký về điều chỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương năm 2016, ngày 17/01/2017 Sở T ban hành Thông chi duyệt y dự toán số 01/TC-TCDN duyệt chi số tiền 3.000.000.000 đồng, trong đó bà Đồng Thị T7 - Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp thực hiện thẩm kế hồ sơ, bà Nguyễn Anh Y - Trưởng phòng duyệt hồ sơ, bà Đoàn Thu H7 - Giám đốc ký Thông chi duyệt y dự toán.

Tổng cộng, Sở T đã cấp kinh phí hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2 với tổng số tiền là 63.623.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm này Công ty Đ2 chưa đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF, mới chỉ đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván dán.

Thời điểm cuối năm 2016, thực hiện Quyết định số 2435/QĐ-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ T13 về việc thanh tra công tác quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ ngày 14/11/2016 đến ngày 16/12/2016, Đoàn Thanh tra Bộ T13 tiến hành thanh tra tại tỉnh Lạng Sơn và đã phát hiện một số sai phạm trong việc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng và hỗ trợ chi phí vận chuyển cho Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2. Ngày 30/12/2016, Đoàn Thanh tra Bộ T13 có Thứ trưởng bà Vũ Thị M và thành viên Đoàn Thanh tra đã làm việc với UBND tỉnh L dự kiến kết luận thanh tra công tác quản lý ngân sách trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, nội dung cơ bản giống như Biên bản thanh tra ngày 26/12/2016. Thành phần UBND tỉnh tham dự cuộc họp có ông Nguyễn Công T10 - Phó Chủ tịch, bà Đoàn Thu H7 - Giám đốc Sở T và đại diện Lãnh đạo các sở ban ngành của tỉnh Lạng Sơn. Tại cuộc họp dự kiến kết luận thanh tra, ông Nguyễn Công T10 thay mặt UBND tỉnh tiếp thu các nội dung dự kiến kết luận thanh tra và cam kết sẽ chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc tiếp thu, chấn chỉnh rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục ngay các tồn tại về những sai phạm xảy ra trong công tác quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (trong đó có Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn của Công ty Đ2).

Cùng ngày, Đoàn Thanh tra và Giám đốc Sở T là bà Đoàn Thu H7 đã ký biên bản làm việc, trong đó có nội dung về sai phạm của Dự án Nhà máy C6 là sản lượng thực tế 12 tháng năm đầu tiên nhà máy đi vào hoạt động khoảng 4,3% so với công suất nhà máy N4 thực tế 130.000m³/năm. Vì vậy đề nghị UBND tỉnh L phải có giải pháp quyết liệt với nhà đầu tư, đảm bảo dự án hoạt động, tiêu

thụ sản phẩm đúng công suất nghiệm thu thực tế và lấy đó làm căn cứ chi hỗ trợ; thực hiện kiểm tra, quyết toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển sản phẩm theo thực tế tiêu thụ hàng năm; trường hợp sản phẩm tiêu thụ thực tế không đạt công suất thiết kế và mức hỗ trợ thì phải thu hồi nộp ngân sách, tránh để xảy ra thất thoát. Ngày 17/01/2017, bà H7 ký Thông chi duyệt y dự toán số 01/TC-TCDN duyệt chi số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty Đ2. Việc bà Đoàn Thu H7 ký Thông chi duyệt y dự toán số 01/TC-TCDN ngày 17/01/2017 là thực hiện theo Thông báo số 513/TB-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh tăng vốn ngân sách Trung ương cho Công ty Đ2 số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 23/01/2017, Sở T nhận được Kết luận thanh tra số 530/KLTT-BTC ngày 13/01/2017 của Bộ T13.

Kết luận thanh tra số 530/KLTT-BTC ngày 13/01/2017 của Bộ T13 có mục kiến nghị với UBND tỉnh L như sau: *Xem xét điều chỉnh quyết định hỗ trợ cho Công ty Đ2 theo đúng quy định của pháp luật. Có giải pháp quyết liệt đảm bảo công suất hoạt động của nhà máy chế biến gỗ theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư và mức hỗ trợ được UBND tỉnh phê duyệt; kiểm tra, rà soát, thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ vận chuyển sản phẩm theo thực tế tiêu thụ hàng năm nhưng không cao hơn mức được hỗ trợ tối đa theo quy định; thu nộp ngân sách Nhà nước kinh phí đã hỗ trợ trong trường hợp sản phẩm tiêu thụ thực tế hàng năm không đạt công suất thiết kế và mức hỗ trợ đã được UBND tỉnh quyết định theo đúng chế độ quy định.*

Thực hiện Quyết định số 475/QĐ-KTNN ngày 05/4/2017 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Lạng Sơn từ ngày 11/4/2017 đến ngày 09/6/2017, Đoàn Kiểm toán thuộc Kiểm toán Nhà nước khu vực X đã kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Lạng Sơn. Tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 tỉnh Lạng Sơn ngày 12/9/2017 của Kiểm toán Nhà nước khu vực X kết luận về nội dung chi hỗ trợ doanh nghiệp đối với Công ty Đ2 như sau: Việc thẩm định, phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho đơn vị không đúng đối tượng danh mục sản phẩm được hưởng ưu đãi theo Điều 15 Nghị định số 210 (Ván dán không thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ), đồng thời Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở T, Sở KH&ĐT và các đơn vị liên quan thu hồi 10 tỷ đồng kinh phí hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (do chưa đầu tư nhà máy S1); riêng đối với kinh phí tạm ứng 43,623 tỷ đồng chi phí vận chuyển, các ngành chức năng liên quan theo dõi tạm ứng, quyết toán giảm trừ dần theo khối lượng thực hiện của đơn vị hàng năm theo đúng quy định.

Ngày 23/7/2020, Bộ trưởng Bộ K2 ban hành Quyết định số 1156/QĐ-BKHĐT về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật và đầu tư công giai đoạn 2016-2019; việc đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; việc chấp hành pháp luật về đầu tư giai đoạn 2015 - 2019, tại tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ kết quả thanh tra, ngày 16/4/2021 Bộ K2 có Kết luận thanh tra số 2199/KLTT-BKHĐT, trong đó đã chỉ ra sai phạm tại Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn như sau: *Không thực hiện đúng theo mục tiêu đầu tư tại Giấy ĐKCNĐT; không*

đáp ứng điều kiện hỗ trợ về nguyên liệu cho nhà máy; các đơn vị liên quan chưa cung cấp được tài liệu cho phép điều chỉnh hỗ trợ đầu tư từ nhà máy ván MDF sang nhà máy ván dán hoặc đề nghị hỗ trợ đầu tư nhà máy ván dán đối với hỗ trợ đầu tư là chưa đủ căn cứ để hỗ trợ. Mặc dù dự án được phê duyệt hỗ trợ cho 130.000 m³/năm để vận chuyển sản phẩm và đã được thanh toán 43,623 tỷ đồng, nhưng khi đi vào hoạt động, sản lượng thực tế là 19.300 m³/năm và khối lượng tiêu thụ được là 12.000 m³/năm. Như vậy nhà đầu tư đã được hỗ trợ lớn hơn khối lượng tiêu thụ thực tế” và kiến nghị “Giao UBND tỉnh L kiểm tra, rà soát, đánh giá tổng thể dự án Nhà máy C6, đề xuất phương án giải quyết báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định tránh gây thất thoát NSNN.

Với những thiếu sót, sai phạm nêu trên, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo trong quá trình thẩm tra, tham mưu ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư và nghiệm thu dự án phục vụ việc giải ngân kinh phí hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao của Công ty Đ2, cụ thể như sau:

1. Bị cáo Lộc Nguyên H, nguyên Phó Trưởng phòng Công thương, Sở KH&ĐT tỉnh L

Theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, Quyết định 293/QĐ-TTg về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ quy định về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Điều 15 Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thì Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao của Công ty Đ2 thuộc đối tượng được nhà nước hỗ trợ đầu tư. Tuy nhiên quá trình thẩm tra, tham mưu ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao của Công ty Đ2, bị cáo Lộc Nguyên H (Phó Trưởng phòng Công thương) đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Về trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư: Quá trình thẩm tra, bị cáo Lộc Nguyên H đã không tham mưu cho Lãnh đạo Sở KH&ĐT thực hiện lấy ý kiến các ngành theo đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 05 để xác định Dự án có thuộc đối tượng, có đáp ứng các điều kiện, định mức hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210 hay không vì cho rằng trước khi tham mưu cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu cho Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn của Công ty Đ2, Sở KH&ĐT đã lấy ý kiến các ngành về địa điểm, mục tiêu, quy mô... của dự án. Sau khi Công ty Đ2 có Văn bản số 016/2015/SBV-ĐN ngày 06/4/2015 về việc đề nghị được hỗ trợ đầu tư, bị cáo đã tham mưu trình Vy Thúy N2, Trưởng phòng Công thương duyệt và trình Lê Văn T, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT ký ban hành Báo cáo số 133/BC-SKHĐT ngày 07/4/2015 về kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư, nội dung xác định Dự án Nhà máy C6 đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 210, định mức tính

toán áp dụng đúng theo Điều 3 Mục 8 Thông tư số 05. Việc Sở KH&ĐT không thực hiện lấy ý kiến các ngành về các nội dung hỗ trợ đầu tư là một phần nguyên nhân dẫn đến sai phạm của các cá nhân thuộc Sở NN&PTNT, Sở Tài chính khi tiến hành nghiệm thu và chi kinh phí hỗ trợ đầu tư.

- Đối với việc thẩm tra và tham mưu ban hành Quyết định số 1165 về nội dung hỗ trợ đầu tư kinh phí vận chuyển: Do không nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật về hỗ trợ đầu tư (Nghị định số 210, Thông tư số 05) nên bị cáo Lộc Nguyên H đã tính hỗ trợ vận chuyển là 330 ngày/năm, với thời gian 20 giờ/ngày, vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 05 (quy định thời gian làm việc tối đa của nhà máy được tính hỗ trợ là 300 ngày/năm). Theo Báo cáo số 133/BC-SKHĐT do H tham mưu soạn thảo thể hiện số ngày hoạt động của nhà máy trong 01 năm (330 ngày) được khối lượng gỗ thành phẩm là 130.000m³ và được hỗ trợ số tiền 66,5437 tỷ đồng. Như vậy số ngày hỗ trợ đầu tư kinh phí vận chuyển vượt định mức là 30 ngày/năm, thời gian hỗ trợ là 05 năm, tổng số ngày vượt định mức là 150 ngày, số tiền chi vượt 150 ngày là **6.049.350.000 đồng**.

Ngoài ra, tại Điều 1 Quyết định số 1165 do bị cáo H tham mưu soạn thảo thể hiện tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: Khởi công Quý II năm 2015, đi vào hoạt động Q2 IV năm 2015 là không phù hợp với tiến độ quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000328 điều chỉnh lần 1 ngày 19/6/2015 (Giai đoạn 2: Xây dựng dây chuyền sản xuất ván MDF: Quý IV năm 2018 vận hành sản xuất). Như vậy thời điểm Q2 IV năm 2015, Dự án mới chỉ xây dựng giai đoạn 1 là nhà máy ván dán chưa đủ điều kiện hưởng hỗ trợ đầu tư (sản xuất ván MDF phải kết hợp ván sàn, ván thanh, ván ghép thanh, ván ép).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lộc Nguyên H trình bày khi soạn thảo Quyết định số 1165 đã căn cứ vào hồ sơ đăng ký hỗ trợ đầu tư của nhà đầu tư đề xuất và cho rằng nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Tuy nhiên tại Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 14121000328, do UBND tỉnh cấp điều chỉnh lần 1 ngày 19/6/2015 thể hiện tiến độ thực hiện dự án gồm 02 giai đoạn, giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy sản xuất ván dán công suất 60.000m³/năm, tháng 11 năm 2015 vận hành sản xuất. Giai đoạn 2: Xây dựng dây chuyền sản xuất ván MDF, Quý IV năm 2018 vận hành sản xuất. Xuất phát từ Quyết định 1165 thể hiện thời điểm hoàn thành nhà máy và được hỗ trợ đầu tư là Q2 IV năm 2015, đã dẫn đến các ngành của tỉnh Lạng Sơn tiến hành công tác nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ đầu tư từ cuối năm 2015, khi chưa có Nhà máy sản xuất ván MDF.

Ngày 06/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ra Quyết định khởi tố bị cáo đối với Lộc Nguyên H về tội Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng là chưa đúng với bản chất của hành vi phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra thấy bị cáo H chỉ thực hiện việc thẩm tra hồ sơ do Công ty Đ2 chuyển đến, không nghiên cứu kỹ các quy định về hỗ trợ đầu tư dẫn đến tham mưu sai về định mức hỗ trợ vận chuyển cho Công ty Đ2. Hành vi nêu trên của bị cáo **Lộc Nguyên H** đã phạm vào tội Thiếu

trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **6.049.350.000 đồng**.

2. Bị cáo Lê Văn T, nguyên Phó Giám đốc Sở KH&ĐT tỉnh L

Bị cáo Lê Văn T, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT được phân công nhiệm vụ trực tiếp quản lý, chỉ đạo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển nông thôn, theo dõi và chỉ đạo hoạt động của phòng Công thương theo Quyết định số 06/QĐ-SKHĐT ngày 12/01/2015 của Giám đốc Sở KH&ĐT, trực tiếp ký ban hành các văn bản của Sở KH&ĐT liên quan đến Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn của Công ty Đ2, trong đó có các văn bản có vi phạm như đã nêu trên do bị cáo Lộc Nguyên H trực tiếp tham mưu soạn thảo, sau đó chuyển cho Vy Thúy N2- Trưởng phòng duyệt, trình Lê Văn T ký. Sau khi nhận các văn bản do Vy Thúy N2 duyệt và chuyển đến, bị cáo Lê Văn T đã không nghiên cứu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, không phát hiện ra Quyết định 1165 do H, N2 chuyển đến có sai sót về định mức tính hỗ trợ vận chuyển và đã ký ban hành Báo cáo số 133/BC-SKHĐT gửi UBND tỉnh về kết quả thẩm tra hỗ trợ dự án, nội dung thể hiện Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2 đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 210, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước với số tiền **6.049.350.000 đồng**.

Vì vậy Quyết định khởi tố bị cáo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đối với Lê Văn T về tội Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ kết quả điều tra, xác định hành vi của bị cáo **Lê Văn T** phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **6.049.350.000 đồng**.

3. Bị cáo Vy Thúy N2, N3 Trưởng phòng Công thương, Sở KH&ĐT tỉnh L

Theo Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống văn phòng điện tử Sở KH&ĐT ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-SKHĐT ngày 26/3/2014 của Giám đốc Sở KH&ĐT, văn bản được Chuyên viên soạn thảo phải trình Lãnh đạo Phòng duyệt trước khi trình Lãnh đạo Sở ký ban hành. Đối với các văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2 (gồm Quyết định số 1165 và Báo cáo số 133/BC-SKHĐT) do bị cáo Lộc Nguyên H soạn thảo được chuyển đến tài khoản điện tử của bị cáo Vy Thúy N2 duyệt. Sau khi nhận được văn bản thẩm tra, bị cáo Vy Thúy N2 đã không xem xét kỹ nội dung, không đối chiếu các quy định của pháp luật, không phát hiện được văn bản do H soạn thảo có sai phạm, nên không thực hiện chuyển trả lại cho H để thẩm tra lại, mà chuyển cho Lê Văn T, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT ký ban hành Báo cáo số 133/BC-SKHĐT và đề T duyệt, trình bị cáo Lý Vinh Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định số 1165. Ngoài ra bị cáo Vy Thúy N2 còn tham gia thành phần nghiệm thu ngày 18/12/2015, với vai trò là cơ quan thẩm tra hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà máy C6, nhưng đã không phát hiện Công ty Đ2 chưa xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF và đồng ý với kết quả nghiệm thu.

Hành vi của bị cáo **Vy Thúy N2** đã cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **6.049.350.000 đồng**.

4. Bị cáo Lý Vinh Q, Nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh L

Từ ngày 10/01/2011, bị cáo Lý Vinh Q được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh L. Tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND tỉnh L về việc phân công công tác của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2011-2016, bị cáo được phân công phụ trách chỉ đạo khối kinh tế chuyên ngành gồm các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp...; theo dõi, chỉ đạo các cơ quan Sở KH&ĐT, Sở NN&PTNT...

Đối với Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2, bị cáo Lý Vinh Q là người ký ban hành các Quyết định liên quan đến Dự án do Sở KH&ĐT trình ký gồm: Giấy Chứng nhận đầu tư số 14121000328 ngày 09/10/2014, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất, Quyết định hỗ trợ đầu tư số 1165 và các quyết định phân bổ vốn đầu tư cho Dự án. Với trách nhiệm được giao, bị cáo Q không kiểm tra, đối chiếu với các quy định của pháp luật và đã ký ban hành các văn bản nêu trên có nội dung vi phạm về định mức hỗ trợ đầu tư, gây thất thoát ngân sách nhà nước số tiền **6.049.350.000 đồng**.

Hành vi của bị cáo **Lý Vinh Q** đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **6.049.350.000 đồng**.

5. Bị cáo Nguyễn Phúc Đ1, Phó Giám đốc Sở NN&PTNT

Để giải ngân các khoản hỗ trợ đầu tư, Dự án Nhà máy C6 phải được Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H và Công ty Đ2 về các hạng mục đầu tư xây dựng, thời điểm hoàn thành nhà máy và công suất nhà máy. Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 05 và Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ T13 hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210 xác định mục đích cuộc nghiệm thu là xác nhận khối lượng hoàn thành để giải ngân chi phí hạng mục xây dựng hạ tầng giao thông, điện nước, nhà xưởng và xử lý chất thải được hỗ trợ theo Nghị định số 210.

Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 210 thì nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư đối với nhà máy S1 (Nhà máy sản xuất ván MDF). Tại thời điểm nghiệm thu ngày 03/12/2015, Công ty Đ2 mới xây dựng các hạng mục của nhà máy sản xuất ván dán, chưa xây dựng nhà máy sản xuất gỗ MDF. Tuy nhiên do Nguyễn Phúc Đ1 không nghiên cứu kỹ các quy định nêu trên, không biết nhà máy sản xuất ván dán không thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ đầu tư và tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu thể hiện khối lượng hoàn thành để thanh toán chi phí hạng mục xây dựng được hỗ trợ theo Nghị định 210, đồng thời xác định Dự án đã thực hiện đúng các điều khoản quy định tại Nghị định 210 và kết luận đồng ý nghiệm thu. Căn cứ kết quả nghiệm thu này, Sở T đã lập thủ tục chi

kinh phí hỗ trợ đầu tư hạng mục xây dựng cơ bản cho Công ty Đ2 số tiền **20 tỷ đồng** không đúng quy định.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Phúc Đ1** đã cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **20 tỷ đồng**.

6. Các bị cáo Hoàng Quang C4, N3 Phó Giám đốc Sở NN&PTNT và Đào Văn Á, nguyên Chuyên viên phòng Quản lý xây dựng công trình Sở NN&PTNT

Sở NN&PTNT được phân công chủ trì, phối hợp với các ngành Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND huyện H và đại diện Công ty Đ2 tiến hành nghiệm thu Dự án Nhà máy Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn của Công ty Đ2 02 lần vào các ngày 18/12/2015 và ngày 03/10/2016 để hỗ trợ thanh toán khoản kinh phí hỗ trợ vận chuyển.

Theo quy định tại Thông tư số 05 và Thông tư số 30, mục đích, đối tượng cuộc nghiệm thu là xác nhận dự án hoàn thành để thanh toán khoản kinh phí hỗ trợ vận chuyển cho Dự án Nhà máy C6. Do không nghiên cứu kỹ các quy định về đối tượng, điều kiện hưởng hỗ trợ đầu tư nên các bị cáo Hoàng Quang C4, Đào Văn Á không phát hiện được nhà máy sản xuất ván dán không thuộc đối tượng được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 210. Tại thời điểm nghiệm thu, Dự án mới chỉ thực hiện giai đoạn 1, nhưng biên bản thể hiện nghiệm thu dự án hoàn thành, đã thực hiện đúng các điều khoản quy định tại Nghị định số 210 và đồng ý nghiệm thu là không đảm bảo về điều kiện và đối tượng nghiệm thu là nhà máy sản xuất ván MDF. Căn cứ biên bản nghiệm thu, Sở T đã lập thủ tục chi kinh phí hỗ trợ vận chuyển cho Công ty Đ2 trái quy định số tiền **43,623 tỷ đồng**.

Hành vi của các bị cáo **Hoàng Quang C4, Đào Văn Á** đã cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát cho ngân sách nhà nước là **43,623 tỷ đồng**.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người liên quan và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra các bị cáo trình bày đây là dự án hỗ trợ đầu tư đầu tiên được triển khai theo Nghị định số 210 tại tỉnh Lạng Sơn nên chưa có kinh nghiệm trong thẩm tra, quyết định, nghiệm thu dự án và do áp lực giải ngân kinh phí hỗ trợ đầu tư, vì vậy đã dễ xảy ra sai phạm như đã nêu trên và không có mục đích vụ lợi.

Kết quả trưng cầu giám định, việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng

Ngày 05/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ban hành Quyết định số 832/QĐ- VPCQCSĐT trưng cầu Giám định viên Bộ T13 giám định công tác chi ngân sách nhà nước của Sở Tài chính tỉnh L đối với kinh phí hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2 Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn. Ngày 31/7/2024, Bộ T13 có Công văn số 8069/BTC-TCĐN từ chối cử Giám định viên

thực hiện giám định tư pháp và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L trung cầu giám định viên tư pháp tại địa phương thực hiện giám định tư pháp.

Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ban hành Quyết định số 943/QĐ- VPCQCSĐT trung cầu Giám định viên Sở Tài chính tỉnh L giám định công tác chi ngân sách nhà nước của Sở Tài chính tỉnh L đối với kinh phí hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2 Chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn. Ngày 09/9/2024, Giám định viên Phạm Quang T11 ký ban hành Kết luận giám định, nội dung: Không xác định Sở T vi phạm tại văn bản nào về quy định chi ngân sách nhà nước trong thanh toán các khoản hỗ trợ cho Công ty Đ2.

Tại Cáo trạng số 121/CT-VKSLS-P1 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Nguyễn Phúc Đ1, Hoàng Quang C4 và Đào Văn Á về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên toà:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người đại diện theo ủy quyền của lãnh đạo Công ty Đ2: Ông Lê Anh V2, ông Hoàng Xuân L2 đều xác nhận Công ty Đ2 đã nộp lại toàn bộ số tiền đã được hỗ trợ để khắc phục hậu quả cho các bị cáo và đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bà Nguyễn Anh Y có mặt tại phiên toà và giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì bổ sung.

Ông Bàng Đức C5 có mặt tại phiên toà xác nhận có ký biên bản nghiệm thu với vai trò người chứng kiến và không có ý kiến gì bổ sung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ, điều kiện, nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Nguyễn Phúc Đ1, Hoàng Quang C4, Đào Văn Á phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 38; Điều 54; Điều 65; điểm b, s, v Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Lý V, Nguyễn Phúc Đ1, Hoàng Quang C4, Đào Văn Á; Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 38; Điều 54, Điều 65; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Vy Thúy N2. Đề nghị xử phạt các bị cáo:

1. Đối với bị cáo Lộc Nguyên H, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

2. Đối với bị cáo Lê Văn T, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

3. Đối với bị cáo Vy Thúy N2, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

4. Đối với bị cáo Lý Vinh Q, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 13 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

5. Đối với bị cáo Nguyễn Phúc Đ1, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 18 đến 20 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

6. Đối với bị cáo Hoàng Quang C4, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 20 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

7. Đối với bị cáo Đào Văn Á, đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 20 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng khoản 3 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cấm các bị cáo đảm nhiệm các công việc liên quan đến công tác hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp từ 01 năm đến 02 năm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lộc Nguyên H: Không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét điều kiện hoàn cảnh nguyên nhân phạm tội, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, tài sản bị thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét điều kiện hoàn cảnh nguyên nhân phạm tội, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, tài sản bị thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phúc Đ1: Không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét điều kiện hoàn cảnh nguyên nhân phạm tội, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, tài sản bị thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vy Thúy N2: Không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét điều kiện hoàn cảnh nguyên nhân phạm tội, bố đẻ của bị cáo là Liệt sỹ, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, tài sản bị thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ 2, đã được triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Nhật T5, ông Lê Anh T6, ông Nguyễn Thành P và những người tham gia tố tụng khác ông Lê Tuấn H6, bà Đồng Thị T7, bà Liễu Thị Y1, ông Hoàng Văn T8, bà Đoàn Thu H7 vắng mặt, trong đó ông Ngô Nhật T5 và ông Lê Anh T6 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lê Anh V2 và ông Hoàng Xuân L2 có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Thành P, bà Đồng Thị T7, bà Liễu Thị Y1, ông Hoàng Văn T8, bà Đoàn Thu H7 vắng mặt đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Tuấn H6 vắng mặt nhưng đã có bản khai trong hồ sơ vụ án. Đối với người bào chữa Luật sư chỉ định Nông Văn K đã có văn bản từ chối bào chữa cho bị cáo Lộc Nguyên H lý do bị cáo không thuộc trường hợp được cử Luật sư chỉ định. Căn cứ Điều 291, 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo khẳng định bản thân không có mâu thuẫn với nhau; không bị ép cung, mớm cung nhục hình. Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với diễn biến của vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

[4] Dự án đầu tư Nhà máy chế biến gỗ công nghệ cao C6 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000328, chứng nhận lần đầu ngày ngày 09-10-2014, chứng nhận thay đổi lần 01 ngày 19-6-2015 được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8824730641, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 18-01-2017 cho Công ty cổ phần Đ2 (viết tắt là Công ty Đ2) thực hiện dự án xây dựng nhà máy ván dán và MDF. Dự án được chia thành 02 giai đoạn gồm có, giai đoạn 1 là xây dựng nhà máy sản xuất ván dán công suất 60.000m³/năm và giai đoạn 2 là xây dựng nhà máy sản xuất ván dán MDF có công suất là 80.000m³/năm, tổng công suất chế biến của dự án là công suất 140.000m³/năm. Căn cứ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, Công ty Đ2 đã có văn bản đề nghị được hỗ trợ đầu tư với Dự án nhà máy chế biến gỗ với tổng số tiền là 86.543.750.000 đồng. Thực hiện chức năng nhiệm vụ, Ủy ban nhân

dân tỉnh đã triển khai đến nhiều Sở, ban ngành để thực hiện và xác nhận Công ty Đ2 đủ điều kiện hỗ trợ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hỗ trợ cho dự án nói trên đã có nhiều sai phạm đối với nhiều cá nhân trong quá trình thẩm tra, tham mưu ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư và nghiệm thu dự án phục vụ việc giải ngân kinh phí hỗ trợ đầu tư Dự án nhà chế máy chế biến gỗ, cụ thể:

[4.1] Bị cáo Lộc Nguyên H nguyên là Phó Trưởng phòng Công thương của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, bị cáo Vy Thúy N2 nguyên là Trưởng phòng Công thương của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh; bị cáo Lê Văn T, nguyên là Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh L đã thực hiện công tác tham mưu sai về định mức hỗ trợ vận chuyển cho công ty Đ2, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền là 6.049.350.000 đồng; bị cáo Lý Vinh Q nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã không kiểm tra, đối chiếu mà ký ban hành các quyết định hỗ trợ đầu tư dự án, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với số tiền 6.049.350.000 đồng;

[4.2] Bị cáo Nguyễn Phúc Đ1 nguyên là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh đã để xảy ra sót sót trong quá trình nghiệm thu, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 20.000.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Quang C4 nguyên là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh và bị cáo Đào Văn Á nguyên là Cán bộ phòng Quản lý xây dựng công trình của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L, đã để xảy ra sai sót trong quá trình nghiệm thu, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền là 43.623.000.000 đồng.

[4.3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà nước, gây thiệt hại ngân sách của Nhà nước trên 100.000.000 đồng, đã thỏa mãn dấu hiệu tội phạm quy định tại Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định pháp luật hình sự là có căn cứ; không thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính.

[5] Cáo trạng truy tố các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Nguyễn Phúc Đ1, Hoàng Quang C4 và Đào Văn Á về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Do hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra từ năm 2015 đến đầu năm 2017, theo quy định tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 03 năm đến 12 năm tù, mức khởi điểm hình phạt thấp hơn mức khởi điểm khung hình phạt đối với cùng hành vi quy định tại khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 07 năm đến 12 năm tù. Căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, khi xét xử sẽ áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các bị cáo thiếu trách nhiệm, không nghiên cứu kỹ

Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 (viết tắt là Nghị định 210) của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các văn bản liên quan; đã lập biên bản nghiệm thu, lập báo cáo, ra quyết định có nội dung không đúng quy định, dẫn đến hỗ trợ đầu tư cho Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2 không đúng quy định, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến ngân sách nhà nước. Dự án hỗ trợ đầu tư cho Công ty Đ2 là Dự án đầu tiên của tỉnh Lạng Sơn, diễn ra trong thời gian rất ngắn; do chưa có kinh nghiệm, đòi hỏi tiến độ nhanh nên các bị cáo đã có sai phạm.

[7.1] Bị cáo Lộc Nguyên H được giao thẩm tra hỗ trợ đầu tư cho Dự án Nhà máy C6 của Công ty Đ2; do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ, đã đề xuất theo văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư của Công ty Đ2, có nội dung xin hỗ trợ vận chuyển 330 ngày/năm là vượt quá so với quy định hỗ trợ 30 ngày/năm (theo Nghị định 210 hỗ trợ vận chuyển không vượt quá 300 ngày/năm) bị cáo Lộc Nguyên H đã trình kết quả lên cấp trên duyệt là bị cáo Vy Thúy N2; do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ, bị cáo Vy Thúy N2 đã duyệt theo đề xuất của bị cáo Lộc Nguyên H và trình lên cấp trên là bị cáo Lê Văn T; do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ, bị cáo Lê Văn T ký báo cáo và trình lên cấp trên là Ủy ban nhân dân tỉnh L. Bị cáo Lý Vinh Q do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ đã ký quyết định có nội dung hỗ trợ vận chuyển 330 ngày/năm là vượt quá so với quy định hỗ trợ 30 ngày/năm (theo Nghị định 210 hỗ trợ vận chuyển không vượt quá 300 ngày/năm) gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tương ứng với số tiền 6.049.350.000 đồng.

[7.2] Theo trình tự thời gian giải ngân, ngoài việc thực tế Công ty Đ2 đã có các công trình đã thể hiện trong biên bản nghiệm thu thì để được hỗ trợ Công ty Đ2 còn phải có nhà máy chế biến gỗ MDF nhưng tại thời điểm nghiệm thu và đến nay Công ty Đ2 chưa có nhà máy chế biến gỗ MDF. Bị cáo Nguyễn Phúc Đ1 do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ, tại thời điểm nghiệm thu ngày 03-12-2015 với cương vị là Đại diện cho Sở N đã chủ trì ký biên bản nghiệm thu (BL785), có nội dung tại mục 5.3: *“Kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Thực hiện đúng theo các điều khoản quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ”*, dẫn đến hỗ trợ không đúng gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tương ứng với số tiền 20.000.000.000 đồng. Bị cáo Hoàng Quang C4, Đào Văn Á do thiếu kiểm tra, rà soát quy định của pháp luật về hỗ trợ, tại thời điểm nghiệm thu các ngày 18-12-2015 (BL789) và ngày 03-10-2016 (BL801) với cương vị là Đại diện cho Sở N đã chủ trì ký biên bản nghiệm thu (BL785), có nội dung tại mục 5.3: *“Kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Thực hiện đúng theo các điều khoản quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ”*, dẫn đến hỗ trợ không đúng gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tương ứng với số tiền 43.623.000.000 đồng.

[8] Vụ án không có tính chất đồng phạm, các bị cáo đều là cán bộ Nhà nước, thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công, các bị cáo thực hiện

hành vi độc lập với nhau, không có sự bàn bạc, thoả thuận với nhau, các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật;

[10] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Hoàng Quang C4, Đào Văn Á, Vy Thúy N2, Nguyễn Phúc Đ1, Lý Vinh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[11.1] Đối với bị cáo Lộc Nguyên H: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo Lộc Nguyên H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Bộ trưởng Bộ K1 và đầu tư tặng Bằng khen năm 2014 (BL364); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen các năm 2015 (BL365), 2019 (BL358); Sở K và đầu tư tặng giấy khen các năm 2011 (BL362), 2019 (BL360), chưa có kinh nghiệm trong công tác thẩm tra, tham mưu quyết định hỗ trợ đầu tư dự án và không có mục đích vụ lợi; có hoàn cảnh gia đình khó khăn (do hai vợ chồng không có việc làm ổn định, phải nuôi có 04 con), trong đó con sinh năm 2011 bị khuyết tật nặng, phải điều trị bệnh và được Ủy ban nhân dân thành phố L trợ cấp hàng tháng (BL 2137), bị cáo đã quyên góp ủng hộ tết nhân ái năm 2024 và quỹ nhân đạo số tiền 3.000.000 đồng (BL2138), có bố đẻ ông Lộc Văn C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba năm 1975 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11.2] Đối với bị cáo Lê Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Bộ trưởng Bộ K1 và đầu tư tặng Bằng khen năm 2016 (BL461); Bộ trưởng Bộ Q3 tặng Bằng khen năm 2017 (BL462); Chủ tịch UBND tỉnh L tặng 03 Bằng khen các năm 2021 (BL 459-463), 2022 (BL460); bị cáo có mẹ đẻ bà Trần Thị C2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba năm 1997 (BL 458), có bố vợ ông Hoàng T12 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất năm 1985 (BL465), Huân chương độc lập năm 2007 (BL466), Huân chương lao động hạng Ba năm 2000 (BL 467), có vợ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì năm 2011 (BL464); bị cáo Lê Văn T được các cơ quan đã từng công tác là UBND huyện Đ (BL447), Ban Q4 (BL451) có văn bản đề nghị các cơ quan tổ tụng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo chưa có kinh nghiệm trong công tác thẩm tra, tham mưu quyết định hỗ trợ đầu tư dự án và không có mục đích vụ lợi, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11.3] Đối với bị cáo Lý Vinh Q: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động hạng nhì năm 2020 (BL677); Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen các năm 2007 (BL674), 2016 (BL675); Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng Bằng khen năm 2017 (BL676); T14 tặng Bằng khen năm 2005; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T Bằng khen vào các năm 1997, năm 1999, năm 2000; bị cáo chưa có kinh nghiệm trong việc ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư dự án và không có mục đích vụ lợi; có mẹ đẻ bà Lâm Thị H2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì năm 1986; có bố đẻ ông Lý Văn Q1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất năm 1985; có vợ bà Dương Thị S được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen trong các năm 2013, năm 2011, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11.4] Đối với bị cáo Vy Thúy N2: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2014 (BL586), Bộ trưởng Bộ K1 và đầu tư tặng Bằng khen năm 2005 (BL590), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen các năm 2007 (BL591), 2008 (BL592), 2010 (BL589), 2011 (BL587), và tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Lạng Sơn năm 2014 (BL 593); Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2009 (BL594), năm 2010 (BL595), năm 2011 (BL596), năm 2012 (BL597), năm 2013 (BL598), năm 2014 (BL599), tặng Giấy khen năm 2019 (BL600), năm 2020 (BL601), năm 2015 (BL602), ngoài ra năm 2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T Bằng khen cho Phòng Đăng ký kinh doanh, nơi bị cáo đang công tác (BL588); bị cáo chưa có kinh nghiệm trong công tác thẩm tra, tham mưu quyết định hỗ trợ đầu tư dự án và không có mục đích vụ lợi; có bố là Liệt sỹ Vy Hữu H3, hy sinh năm 1969, ông Vy Hữu H3 còn được được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba (BL585), nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11.5] Đối với bị cáo Nguyễn Phúc Đ1: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BL 2170); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn tặng Bằng khen cho Đảng viên xuất sắc năm 2000 (BL2113); Bộ trưởng Bộ N5 tặng Bằng khen các năm 2015 (BL2110), 2020 (BL2117) và 2022 (BL2119); Ban tặng Bằng khen năm 2013 (BL2118); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng

Bằng khen vào năm 2008 (BL2114) và 02 Bằng khen năm 2019 (BL2115-2116); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L có văn bản đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BL2170); bị cáo chưa có kinh nghiệm trong công tác nghiệm thu dự án và không có mục đích vụ lợi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11.6] Đối với bị cáo Hoàng Quang C4: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Bộ trưởng Bộ N5 tặng Bằng khen năm 2011 (BL542), 2014 (BL543), 2015 (BL541), Sở N tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2011 (BL539), Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng (BL540); gia đình bị cáo hiến 8m² đất làm nhà văn hóa thôn và 180m² làm đường giao thông nông thôn của xã L, huyện B (BL2169); có mẹ đẻ Dương Thị V được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất năm 1969 (BL538), có bố đẻ Hoàng Quang L1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì năm 1989 (BL537); được Sở NN&PTNT có văn bản đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BL2170); bị cáo chưa có kinh nghiệm trong công tác nghiệm thu dự án và không có mục đích vụ lợi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Hoàng Quang C4 còn giao nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn với nội dung Tạm thu tiền khắc phục hậu quả, tuy nhiên xét thấy trong vụ án này bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi vi phạm nên đây không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[11.7] Đối với bị cáo Đào Văn Á: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được khen thưởng như: Bộ trưởng Bộ N5 tặng Bằng khen các năm 2022 (BL510), 2024 (BL511); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L tặng Giấy khen từ năm 2015 (BL 508), nhiều năm liền được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2013 (BL2122), 2015 (BL2123), 2016 (BL 2124, năm 2017 (BL2125), năm 2018 (BL2126), năm 2019 (BL2128), năm 2021 (BL2131), năm 2022 (BL2133), năm 2023 (2135), bị cáo tham gia ủng hộ nhân dân bị thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn số tiền 2.000.000 đồng (BL2121); Sở N có văn bản đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BL2170); có vợ Lê Trúc H4 được Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh L tặng Giấy khen năm 2022 (BL513), Tỉnh đoàn L7 tặng Bằng khen năm 2023 (BL514), bố vợ của bị cáo là ông Lê Ngọc H10 được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang (BL518) và bị cáo chưa có kinh nghiệm trong công tác nghiệm thu dự án và không có mục đích vụ lợi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[12] Các bị cáo (07 bị cáo) Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Hoàng Quang C4, Nguyễn Phúc Đ1, Đào Văn Á có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Điều đó vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội và đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[13] Các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều là các công dân chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tại nơi cư trú, trong quá trình công tác đều là các cán bộ, công chức có nhiều thành tích trong thực hiện chuyên môn nghiệp vụ. Nhận thấy, các bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cần xử tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục, phòng, chống tội phạm.

[14] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn nhất định kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật

[15] Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Hoàng Quang C4 đã nộp để khắc phục hậu quả. Xét thấy, bị cáo Hoàng Quang C4 thực hiện tội phạm do lỗi vô ý, không được hưởng lợi trực tiếp từ hành vi phạm tội, Công ty Đ2 đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại 63.623.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị cáo trong vụ án. Vì vậy, trả lại cho bị cáo số tiền này.

[16] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã xác định bà Nguyễn Anh Y, ông Lê Tuấn H6, ông Bàng Đức C5, bà Đồng Thị T7, bà Liễu Thị Y1, ông Hoàng Văn T8, bà Đoàn Thu H7 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Qua quá trình tranh tụng tại Tòa, thấy rằng những người này không có quyền lợi, nghĩa vụ phải quyết định tại phần quyết định của Bản án nên cần xác định những người nêu trên là người tham gia tố tụng khác.

[17] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[18] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, của những người bào chữa, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[19] Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 285; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Lý V, Hoàng Quang C4, Nguyễn Phúc Đ1, Đào Văn Á.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 285; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vy Thúy N2.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 291, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Hoàng Quang C4, Nguyễn Phúc Đ1, Đào Văn Á phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Lộc Nguyên H 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Lộc Nguyên H cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lộc Nguyên H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Lê Văn T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Xử phạt bị cáo Lý Vinh Q 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Lý Vinh Q cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Lý Vinh Q đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.4. Xử phạt bị cáo Vy Thúy N2 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Vy Thúy N2 cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Vy Thúy N2 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Đ1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Nguyễn Phúc Đ1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Phúc Đ1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.6. Xử phạt bị cáo Hoàng Quang C4 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Hoàng Quang C4 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Hoàng Quang C4 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.7. Xử phạt bị cáo Đào Văn Á 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 16-01-2025.

Giao bị cáo Đào Văn Á cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Đào Văn Á đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ đầu tư, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo Hoàng Quang C4 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006263 ngày 27-12-2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Các bị cáo Lộc Nguyên H, Lê Văn T, Vy Thúy N2, Lý Vinh Q, Hoàng Quang C4, Nguyễn Phúc Đ1, Đào Văn Á, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PC01 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT, CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
-;
- Lưu: HS; Tòa hình sự; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm

